

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA
SÀI GÒN - BÌNH TÂY**

Báo cáo tài chính
cho Kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2019

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	4 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	8 – 29

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2019.

Khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn - Bình Tây được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304116373 ngày 25 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp (trước đây là số 4103004075). Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 08 năm 2018 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, rượu bia, nước giải khát; sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất, chế biến tại trụ sở). Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường, giao thông thủy lợi. Mua bán nông sản, thực phẩm, rượu bia, nước giải khát. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng. Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở).

Trụ sở chính của Công ty tại số 8 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Văn Thanh Liêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Võ Đăng Lạng	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hải	Tổng Giám đốc
Ông Văn Thảo Nguyên	Phó tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Văn Bá Nam	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
Bà Bùi Thị Thái Hà	Thành viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm

Chủ tịch

Ngày 23 tháng 04 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		416,321,408,279	402,273,453,851
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11,131,596,915	38,404,172,102
1. Tiền	111		11,131,596,915	8,404,172,102
2. Các khoản tương đương tiền	112			30,000,000,000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		208,385,730,874	181,464,058,962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	131,625,058,004	113,589,383,779
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,538,131,242	2,823,780,034
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	45,000,000,000	45,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	28,222,541,628	20,050,895,149
III. Hàng tồn kho	140	V.7	196,370,643,234	180,005,128,179
1. Hàng tồn kho	141		196,370,643,234	180,005,128,179
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		433,437,256	2,400,094,608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	400,732,963	634,437,528
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	32,704,293	1,765,657,080
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,612,320,446,734	2,636,842,869,441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		266,000,000	286,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	266,000,000	286,000,000
II. Tài sản cố định	220		1,137,625,220,538	1,119,010,185,254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1,062,786,060,742	1,043,722,277,856
- Nguyên giá	222		2,058,526,610,482	2,005,860,577,983
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(995,740,549,740)	(962,138,300,127)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74,839,159,796	75,287,907,398
- Nguyên giá	228		84,631,024,990	84,631,024,990
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,791,865,194)	(9,343,117,592)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		20,526,120,942	55,996,752,871
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	20,526,120,942	55,996,752,871
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1,357,880,300,464	1,357,880,300,464
1. Đầu tư vào công ty con	251		828,653,450,464	828,653,450,464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		507,060,000,000	507,060,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22,166,850,000	22,166,850,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		96,022,804,790	103,669,630,852
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	76,206,778,066	82,886,708,757
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		19,816,026,724	20,782,922,095
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,028,641,855,013	3,039,116,323,292

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		869,050,234,517	907,825,907,202
I. Nợ ngắn hạn	310		577,505,733,671	616,281,406,356
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	94,972,581,645	65,592,417,653
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	435,347,200	1,146,745,600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	134,188,596,192	159,014,613,705
4. Phải trả người lao động	314		4,292,159,977	7,345,744,846
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12,314,634,640	4,032,303,210
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	37,671,478,289	58,436,832,001
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	285,449,483,200	307,407,573,813
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,181,452,528	13,305,175,528
II. Nợ dài hạn	330		291,544,500,846	291,544,500,846
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	291,544,500,846	291,544,500,846
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,159,591,620,496	2,131,290,416,090
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2,159,591,620,496	2,131,290,416,090
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		875,245,360,000	875,245,360,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		875,245,360,000	875,245,360,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		436,708,750,464	436,708,750,464
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		478,206,465,337	478,206,465,337
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		369,431,044,695	341,129,840,289
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		333,410,690,289	321,424,850,183
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36,020,354,406	19,704,990,106
II. Nguồn kinh phí	430			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,028,641,855,013	3,039,116,323,292

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hiếu

Ngày 23 tháng 04 năm 2019



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	413,811,274,229	304,461,061,429
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	323,323,000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	413,811,274,229	304,137,738,429
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	361,633,167,270	265,806,880,904
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52,178,106,959	38,330,857,525
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	19,430,675,075	14,110,672,821
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	11,268,355,959	2,131,915,086
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,268,355,959	2,103,917,855
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	11,325,587,753	5,582,201,808
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9,415,377,291	8,994,567,045
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,599,461,031	35,732,846,407
11. Thu nhập khác	31	VI.9	31,501,860	453,010,878
12. Chi phí khác	32	VI.10	52,811,202	278,091,818
13. Lợi nhuận khác	40		(21,309,342)	174,919,060
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39,578,151,689	35,907,765,467
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	3,557,797,283	3,994,034,899
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36,020,354,406	31,913,730,568

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hiếu

Ngày 23 tháng 04 năm 2019



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 1 Năm 2019

Đơn vị tính: VND

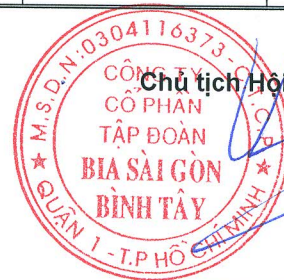
Chi tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		39,578,151,689	35,907,765,467
1. Lợi nhuận trước thuế	01		
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	34,050,997,215	24,114,436,060
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(19,430,675,075)	(14,110,672,821)
- Chi phí lãi vay	06	11,268,355,959	2,103,917,855
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65,466,829,788	48,015,446,561
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(25,496,211,028)	19,375,314,030
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15,398,619,684)	(20,595,142,377)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11,010,250,087	(41,208,625,276)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6,913,635,256	(43,717,802,628)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(11,268,355,959)	(2,103,917,855)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(13,384,260,506)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5,123,723,000)	(6,481,731,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26,103,805,460	(60,100,719,051)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(14,806,762,109)	(71,475,695,767)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	-
3. Tiền chi cho vay	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	19,430,675,075	14,110,672,821
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4,623,912,966	(57,365,022,946)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	129,787,095,996	170,628,182,177
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(151,745,186,609)	(16,942,998,457)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36,328,203,000)	(56,576,236,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(58,286,293,613)	97,108,947,720
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(27,272,575,187)	(20,356,794,277)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38,404,172,102	47,067,449,380
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11,131,596,915	26,710,655,103

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Hr

Nguyễn Thị Hiếu

Ngày 23 tháng 04 năm 2019



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Văn Thanh Liêm